

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án tuyển sinh đại học năm 2022
của Trường Đại học Dược Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ Y tế về việc tách Trường Đại học Y Dược thành hai trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐTDHN ngày 19/02/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Dược Hà Nội ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐTDHN ngày 10/03/2022 của Hội đồng Trường Trường Đại học Dược Hà Nội về việc thông qua Phương hướng tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ kết luận tại phiên họp Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2022 của Trường Đại học Dược Hà Nội ngày 15/06/2022 thông qua Đề án tuyển sinh đại học năm 2022; Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh đại học năm 2022 của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Điều 2. Trưởng các phòng Đào tạo, phòng Quản lý cơ sở vật chất, phòng Tài chính kế toán và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Vụ GDDH-Bộ GDĐT (để báo cáo);
- ĐU, HĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 2;
- Ban Xúc tiến, tư vấn, hỗ trợ TS 2022;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hải Nam

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2022

I. Thông tin chung

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Dược Hà Nội
- Mã trường:** DKH
- Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính):** Số 13-15 Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường:**
www.hup.edu.vn, www.tuyensinh.hup.edu.vn.
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0243. 826 4465, 0243. 933 1135.
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường:

http://www.hup.edu.vn/cpbdv/pktvkdccl/noidung/Lists/ThongBao/View_detail.aspx

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực	Trình độ	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực Sức khỏe/ ngành Dược học	Đại học	550	558	518	100
Tổng		550	558	518	100

7. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường:

http://www.hup.edu.vn/cpbdv/pdt/noidung/Lists/Tuyensinhdaihoc/View_Detail.aspx

7.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: xét tuyển

7.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Lĩnh vực Sức khỏe/ nhóm ngành Dược học	Xét tuyển						
	- Ngành Dược học		700	702	26,9	700	712	26,25
	- Ngành Hóa dược		60	62	26,6	60	58	26,05
	Tổng		760	764		760	770	

8. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường:

http://www.hup.edu.vn/cpbdv/pdt/noidung/Lists/Tuyensinhdaihoc/View_Detail.aspx

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Dược học	7720201	828/BYT-QĐ	29/09/1961	1904/QĐ-BGDĐT	23/03/2018	Bộ Y tế	1961	2021
2	Hóa dược	7720203	1286/QĐ-BGDĐT	22/05/2020			Bộ Y tế	2020	2021
3	Hoá học	7440112	373/QĐ-DHN	28/05/2021			Trường tự chủ QĐ	2022	2022
4	Công nghệ sinh học	7420201	372/QĐ-DHN	28/05/2021			Trường tự chủ QĐ	2022	2022

9. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 3)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Trường:

http://www.hup.edu.vn/cpbdv/pdt/noidung/Lists/Tuyensinhdaihoc/View_Detail.aspx

10. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường

http://www.hup.edu.vn/cpbdv/pdt/noidung/Lists/Tuyensinhdaihoc/View_Detail.aspx

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy đại học

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Do đặc thù chương trình đào tạo có nhiều nội dung thực hành nên không tuyển thí sinh dị tật, khuyết tật chân tay.

2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh

Nhà trường tổ chức xét tuyển theo 04 phương thức:

3.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định về tuyển thẳng của Bộ GD&ĐT và Nhà trường

Quy định cụ thể tại mục Chính sách ưu tiên - Các đối tượng xét tuyển thẳng.

3.2. Phương thức 2

a) *Phương thức 2A:* Xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ SAT/ACT

Cách tính điểm xét tuyển:

$DXT = \text{Điểm SAT} \cdot 90/1600 + (\text{Điểm TB M1} + \text{Điểm TB M2} + \text{Điểm TB M3})/3 + ĐUT$
(nếu có) $\cdot 100/30$

$DXT = \text{Điểm ACT} \cdot 90/36 + (\text{Điểm TB M1} + \text{Điểm TB M2} + \text{Điểm TB M3})/3 + ĐUT$
(nếu có) $\cdot 100/30$

(Trong đó: *DXT*: Điểm xét tuyển; *Điểm TB*: Trung bình cộng điểm tổng kết từng năm học (lớp 10, 11, 12) theo học bạ THPT; *M1, M2, M3*: ba môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển ngành; *ĐUT*: Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT)

Không áp dụng đối với thí sinh là học sinh các cơ sở giáo dục thường xuyên.

b) *Phương thức 2B:* Xét tuyển đối với học sinh giỏi các lớp chuyên của Trường THPT năng khiếu/ chuyên cấp quốc gia hoặc cấp Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương

Cách tính điểm xét tuyển:

$DXT = \text{Điểm TB M1} + \text{Điểm TB M2} + \text{Điểm TB M3} + ĐUT$ (nếu có) + ĐKK (nếu có)

(Trong đó: *DXT*: Điểm xét tuyển; *Điểm TB*: Trung bình cộng điểm tổng kết từng năm học (lớp 10, 11, 12) theo học bạ THPT; *M1, M2, M3*: ba môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển ngành; *ĐUT*: Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT; *ĐKK*: Điểm khuyến khích theo quy định tại mục 8.2, Phần II của Đề án tuyển sinh đại học năm 2022 - Trường Đại học Dược Hà Nội)

3.3. Phương thức 3: Xét tuyển căn cứ kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

3.4. Phương thức 4: Xét tuyển căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1	
						Tổ hợp môn	Môn chính
1	Đại học	7720201	Dược học	Phương thức 1	270	A00	
2	Đại học	7720201	Dược học	Phương thức 2A			
3	Đại học	7720201	Dược học	Phương thức 2B			
4	Đại học	7720201	Dược học	Phương thức 3	50	K01	
5	Đại học	7720201	Dược học	Phương thức 4	450	A00	
6	Đại học	7720203	Hóa dược	Phương thức 1	20	A00	
7	Đại học	7720203	Hóa dược	Phương thức 2A			
8	Đại học	7720203	Hóa dược	Phương thức 2B			
9	Đại học	7720203	Hóa dược	Phương thức 3	5	K01	
10	Đại học	7720203	Hóa dược	Phương thức 4	35	A00	
11	Đại học	7440112	Hoá học	Phương thức 1	20	A00	
12	Đại học	7440112	Hoá học	Phương thức 2A			
13	Đại học	7440112	Hoá học	Phương thức 2B			
14	Đại học	7440112	Hoá học	Phương thức 3	5	K01	
15	Đại học	7440112	Hoá học	Phương thức 4	35	A00	
16	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	Phương thức 1	20	B00	
17	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	Phương thức 2A			
18	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	Phương thức 2B			
19	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	Phương thức 3	5	K01	
20	Đại học	7420201	Công nghệ sinh học	Phương thức 4	35	B00	

Mã phương thức xét tuyển sẽ có thông báo cụ thể sau khi có hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Tổng chỉ tiêu ngành Dược học đã bao gồm 60 chỉ tiêu cho chương trình chất lượng cao và 10 chỉ tiêu phân bổ cho Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương.

Trong trường hợp kết quả xét tuyển thẳng phương thức 1 cao hơn so với chỉ tiêu dự kiến, các chỉ tiêu vượt sẽ được khấu trừ vào phương thức 2B - xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Trong trường hợp kết quả xét tuyển thẳng phương thức 1 hoặc xét tuyển phương thức 2A không đủ chỉ tiêu, các chỉ tiêu còn lại được chuyển cho phương thức 2B - xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Trong trường hợp kết quả xét tuyển phương thức 2B, phương thức 3 không đủ chỉ tiêu, các chỉ tiêu còn lại được chuyển cho phương thức 4 - xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022.

5. Ngưỡng đầu vào

5.1. Phương thức 2A – xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ SAT hoặc ACT

- Đạt học lực giỏi 3 năm, kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn thuộc tổ hợp xét tuyển không dưới 8,0.
- Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế SAT hoặc ACT còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ và đạt tối thiểu một trong các mức điểm dưới đây:

STT	Chứng chỉ quốc tế	Ngành Dược học	Ngành khác
1	SAT	1350	1300
2	ACT	30	27

5.2. Phương thức 2B – xét tuyển theo kết quả học tập THPT của học sinh thuộc hệ chuyên

- Đạt học lực giỏi 3 năm, kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn thuộc tổ hợp xét tuyển không dưới 8,0.

5.3. Phương thức 3 – xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Nhà trường sẽ công bố ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả của Kỳ thi đánh giá tư duy.
- Ngoài ra, đối với ngành Dược học, thí sinh đăng ký xét tuyển có kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn Toán, Vật lý, Hóa học không dưới 7,0 và có học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên; đối với ngành Hóa dược, thí sinh đăng ký xét tuyển có kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn Toán, Vật lý, Hóa học không dưới 7,0.

5.4. Phương thức 4 – xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022

- Nhà trường sẽ công bố ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2022. Ngưỡng đầu vào ngành Dược học sẽ phải đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học năm 2022 nhóm ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Ngoài ra, đối với ngành Dược học và Hóa dược: thí sinh đăng ký xét tuyển có kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn Toán, Vật lý, Hóa học không dưới 7,0.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

- Mã Trường: DKH.

- Điều kiện phụ khi xét tuyển theo các tổ hợp xét tuyển như sau:

STT	Tổ hợp	Các môn/ bài thi/ phần thi trong tổ hợp	Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển	
			Tiêu chí bổ sung 1	Tiêu chí bổ sung 2
1.	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	ĐXT môn Hóa học	ĐXT môn Toán
2.	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	ĐXT môn Sinh học	ĐXT môn Toán
3.	K01	Toán, Đọc hiểu, Tự chọn Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học)	ĐXT phần Khoa học tự nhiên	ĐXT phần Toán

Trong trường hợp cần thiết, sau khi xác định tổng điểm chuẩn trúng tuyển mà số thí sinh trong danh sách đạt điểm chuẩn vượt trên chỉ tiêu đã xác định thì Hội đồng tuyển sinh Nhà trường thực hiện xét tuyển các thí sinh có tổng điểm tổ hợp bằng nhau ở cuối danh sách theo tiêu chí bổ sung để lấy đủ chỉ tiêu.

Sau khi xét lần lượt tiêu chí bổ sung 1 và 2 mà vẫn chưa xác định được điều kiện trúng tuyển, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường thực hiện xét tuyển theo tiêu chí thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký (theo Nguyên tắc xét tuyển quy định tại khoản 3, Điều 20, Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non - Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo).

7. Tổ chức tuyển sinh

7.1. Phương thức 1 – Xét tuyển thẳng theo quy định về tuyển thẳng của Bộ GD&ĐT và Nhà trường

a) Thời gian, hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến qua website của Trường Đại học Dược Hà Nội từ ngày **22/06/2022** đến hết ngày **15/07/2022**, địa chỉ website: tuyensinh.hup.edu.vn.

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tuyến

- Thí sinh đạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:

(i) Phiếu đăng ký xét tuyển trực tuyến;

(ii) Scan bản gốc: Chứng nhận là thành viên được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GD&ĐT) hoặc Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia;

(iii) Scan/Ảnh chụp bản chính căn cước công dân.

- Thí sinh đạt giải Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế:

(i) Phiếu đăng ký xét tuyển trực tuyến;

(ii) Scan bản gốc: Chứng nhận thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GDĐT) hoặc Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia;

Đối với ngành Dược học: bắt buộc có cả hai chứng nhận trên.

(iii) Scan bản gốc nội dung đề tài Khoa học kỹ thuật đã dự thi;

(iv) Scan bản gốc Xác nhận của các đồng tác giả trong đó có các nội dung: Thể hiện rõ việc xác nhận thí sinh là tác giả chính; Đồng tác giả đồng ý để thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng vào Trường; Người hướng dẫn đề tài dự thi xác nhận thí sinh là tác giả chính; Có chữ ký và đóng dấu xác nhận của lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi công tác của người hướng dẫn.

(v) Scan/Ảnh chụp căn cước công dân.

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ; thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

(i) Phiếu đăng ký xét tuyển trực tuyến;

(ii) Scan bản gốc học bạ 3 năm học THPT;

(iii) Scan bản gốc hộ khẩu thường trú;

(iv) Scan bản gốc giấy khai sinh;

(v) Scan/Ảnh chụp căn cước công dân.

- Đối với thí sinh thuộc các đối tượng còn lại được xét tuyển thẳng theo phương thức 1 sẽ liên hệ với bộ phận tuyển sinh của Trường để được hướng dẫn cụ thể.

c) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển: thí sinh thuộc đúng đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định tại mục 8.1. Chính sách ưu tiên – Các đối tượng xét tuyển thẳng.

d) Điều kiện xét tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT;

- Đối với thí sinh đạt giải Cuộc thi khoa học, kỹ thuật: được Hội đồng tuyển sinh duyệt nội dung đề tài đúng với lĩnh vực đạt giải, phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển thẳng.

- Đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ; thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: yêu cầu đạt danh hiệu học sinh giỏi cả 3 năm THPT.

7.2. Các phương thức còn lại

a) Thời gian, hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

- **BẮT BUỘC** đăng ký theo quy định và kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT. Khuyến cáo thí sinh nếu đăng ký xét tuyển theo nhiều phương thức cho 01 ngành học, cần lưu ý thứ tự ưu tiên các phương thức xét tuyển của Trường, cụ thể như sau: phương thức 2A, phương thức 2B, phương thức 3, phương thức 4.

- Đồng thời **BẮT BUỘC** đăng ký xét tuyển trực tuyến qua website của Trường Đại học Dược Hà Nội đối với các đối tượng sau:

- (i) Tất cả thí sinh đăng ký xét tuyển phương thức 2A, phương thức 2B;
- (ii) Thí sinh có đăng ký xét tuyển phương thức 3, phương thức 4 ngành Dược học, Hóa dược (thời gian theo quy định và kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT);
- (iii) Thí sinh có nguyện vọng và đủ điều kiện cộng điểm khuyến khích theo quy định tại mục 8.2. Chính sách ưu tiên – Cộng điểm khuyến khích.

Các đối tượng này không thực hiện đăng ký trực tuyến qua website của Trường sẽ không được xét tuyển vào Trường Đại học Dược Hà Nội và không được cộng điểm khuyến khích (nếu có) vào tổng điểm xét tuyển.

- Thời gian đăng ký trực tuyến qua website của Trường từ ngày **22/06/2022** đến hết ngày **15/07/2022**, địa chỉ website: tuyensinh.hup.edu.vn.

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tuyến qua website của Trường Đại học Dược Hà Nội

- Phiếu đăng ký xét tuyển trực tuyến;
- Scan bản gốc học bạ THPT (bắt buộc);
- Scan bản gốc Chứng chỉ SAT/ACT, Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (nếu có);
- Scan bản gốc Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố/ quốc gia môn Toán/ Vật lý/ Hóa học/ Sinh học (nếu có);
- Scan bản gốc Giấy xác nhận học sinh trường chuyên và môn chuyên đối với thí sinh đăng ký xét tuyển phương thức 2B;
- Scan bản gốc các minh chứng nếu được cộng điểm ưu tiên khu vực theo nơi thường trú hoặc điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách, có đăng ký xét tuyển theo phương thức 2A, phương thức 2B:
 - + Hộ khẩu thường trú để được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú;
 - + Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên để được hưởng ưu tiên theo đối tượng chính sách.
- Scan/Ảnh chụp căn cước công dân.

c) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển

- **Phương thức 2A** - xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ SAT hoặc ACT đạt ngưỡng quy định của Trường:

(i) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế SAT hoặc ACT còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ và đạt tối thiểu một trong các mức điểm dưới đây:

STT	Chứng chỉ quốc tế	Ngành Dược học	Ngành khác
1	SAT	1350	1300
2	ACT	30	27

(ii) Đạt học lực giỏi 3 năm, kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn thuộc tổ hợp xét tuyển không dưới 8,0; THPT niên khóa 2019-2022.

- **Phương thức 2B** - xét tuyển học bạ học sinh chuyên:

(i) Thí sinh cả 3 năm lớp 10, 11, 12 đều là học sinh các lớp chuyên Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học của Trường THPT năng khiếu/ chuyên cấp quốc gia hoặc cấp Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương, THPT niên khóa 2019-2022;

Các ngành được đăng ký xét tuyển tương ứng với các môn chuyên như sau:

Môn chuyên	Ngành được đăng ký xét tuyển
Toán, Hóa học	Tất cả các ngành
Vật lý	Dược học, Hóa dược, Hóa học
Sinh học	Công nghệ sinh học

(ii) Đạt học lực giỏi 3 năm, kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn thuộc tổ hợp xét tuyển không dưới 8,0.

- **Phương thức 3** - xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội:

Đối với ngành Dược học, thí sinh đăng ký xét tuyển có kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn Toán, Vật lý, Hóa học không dưới 7,0 và có học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên.

Đối với ngành Hóa dược, thí sinh đăng ký xét tuyển có kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn Toán, Vật lý, Hóa học không dưới 7,0.

- **Phương thức 4** - xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2022:

Đối với ngành Dược học và Hóa dược: thí sinh đăng ký xét tuyển có kết quả học tập THPT từng năm học của mỗi môn Toán, Vật lý, Hóa học không dưới 7,0.

d) Điều kiện xét tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT;

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển phương thức 3, phương thức 4: đáp ứng ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào đại học năm 2022 của Trường.

Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong hồ sơ đăng ký xét tuyển và hồ sơ đăng ký dự thi. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi

học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin trong hồ sơ đăng ký xét tuyển so với hồ sơ gốc hoặc không đạt điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển.

8. Chính sách ưu tiên

8.1. Các đối tượng xét tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được xét tuyển thẳng vào các ngành, chương trình của Trường.

b) Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc Cuộc thi khoa học, kỹ thuật (KH-KT) cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng; được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài. Riêng với ngành Dược học, chỉ xét tuyển thẳng đối với thí sinh đoạt giải Nhất tại các Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ Giáo dục Đào tạo tổ chức, được Bộ Giáo dục Đào tạo cử đi tham dự và đoạt giải tại Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế. Các môn thi, lĩnh vực KH-KT của đề tài dự thi được xét tuyển vào các ngành cụ thể như sau:

Ngành học	Môn thi học sinh giỏi	Lĩnh vực KH-KT
Dược học	Toán, Vật lý, Hóa học	Hóa học, Hóa sinh
Hóa dược	Toán, Vật lý, Hóa học	Hóa học, Hóa sinh
Hoá học	Toán, Vật lý, Hóa học	Hóa học, Hóa sinh
Công nghệ sinh học	Toán, Hóa học, Sinh học	Hóa học, Hóa sinh, Kỹ thuật Y sinh, Sinh học tế bào và phân tử, Vi sinh, Sinh học trên máy tính và sinh tin

Mỗi đề tài KH-KT chỉ được xét tuyển thẳng một lần cho một tác giả chính. Trong hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng, thí sinh phải nộp bản xác nhận của các đồng tác giả trong đó có các nội dung: (i) Thể hiện rõ việc xác nhận thí sinh là tác giả chính; (ii) Đồng tác giả đồng ý để thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng vào Trường; (iii) Người hướng dẫn đề tài dự thi xác nhận thí sinh là tác giả chính; (iv) Có chữ ký và đóng dấu xác nhận của lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi công tác của người hướng dẫn. Các thí sinh phải nộp nội dung đề tài KH-KT đã dự thi cùng hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng để Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xem xét xét tuyển.

c) Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây:

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ; thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; thí sinh có nơi

thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 01 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng quy định.

- Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

8.2. Điểm cộng khuyến khích

Điểm cộng khuyến khích được áp dụng cho các đối tượng đăng ký xét tuyển vào Trường theo phương thức 2B, phương thức 3, phương thức 4.

a) Đối với đối tượng có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (còn hiệu lực đến ngày cuối cùng của hạn nộp hồ sơ trên công tuyển sinh của Trường)

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Dược Hà Nội có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (tương đương IELTS đạt từ 5.5 trở lên) được cộng điểm khuyến khích vào tổng điểm xét tuyển (quy về thang điểm 30) cho tất cả các ngành đăng ký xét tuyển với các mức điểm như sau:

IELTS	TOEFL iBT	PTE Academic	Cambridge English	Điểm cộng khuyến khích
5.5	46-59	42-49	162-168	0,25
6	60-78	50-57	169-175	0,50
6.5	79-93	58-64	176-184	0,75
7	94-101	65-72	185-191	1,00
7.5	102-109	73-78	192-199	1,25
8	110-114	79-82	200-204	1,50
8.5	115-117	83-86	205-208	1,75
9	118-120	87-90	209-212	2,00

Lưu ý, đối với thí sinh có nhiều chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sẽ được tính điểm khuyến khích cho một chứng chỉ có mức điểm khuyến khích cao nhất.

b) Đối với đối tượng đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố lớp 12 các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Dược Hà Nội đạt giải Ba trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố môn Toán/ Vật lý/ Hóa học/ Sinh học, hoặc giải Khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia môn Toán/ Vật lý/ Hóa học/ Sinh học, tốt nghiệp THPT năm 2022, được cộng điểm khuyến khích vào tổng

điểm xét tuyển (quy về thang điểm 30) cho ngành đăng ký xét tuyển với các mức điểm như sau:

TT	Giải	Điểm cộng khuyến khích	Môn đạt giải	Ngành được cộng điểm khuyến khích
1	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố		Toán học	Tất cả các ngành
			Hóa học	
			Vật lý	Dược học, Hóa dược, Hóa học
	- Giải Ba	0,25	Sinh học	Công nghệ sinh học
	- Giải Nhì	0,50		
	- Giải Nhất	0,75		
2	Giải Khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	1,00		

Lưu ý: trường hợp thí sinh vừa đạt giải kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/ thành phố, vừa đạt giải Khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia chỉ được hưởng một mức điểm cộng khuyến khích cao nhất.

9. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển trên cổng thông tin của Bộ GDĐT nộp theo quy định chung. Đồng thời đối với các thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tuyến trên cổng tuyển sinh của Trường Đại học Dược Hà Nội phải nộp lệ phí xét tuyển theo các phương thức như sau:

- Xét tuyển theo phương thức 1: 25.000 đồng/hồ sơ ĐKXT.
- Xét tuyển theo phương thức 2: 100.000 đồng/hồ sơ ĐKXT.
- Xét tuyển theo phương thức 3: 25.000 đồng/hồ sơ ĐKXT.
- Xét tuyển theo phương thức 4: 25.000 đồng/hồ sơ ĐKXT.

Hướng dẫn nộp lệ phí đăng ký xét tuyển sẽ có thông báo cụ thể trên cổng tuyển sinh của Trường.

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

10.1. Đối với hệ đại trà

Từ năm học 2022-2023, Nhà trường thực hiện thu học phí theo lộ trình qui định tại Điều 11 Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Cụ thể như sau:

- Ngành Dược học áp dụng mức thu học phí là 2.450.000 đồng/tháng (24.500.000 đồng/năm).

- Ngành Hóa dược áp dụng mức thu học phí là 1.850.000 đồng /tháng (18.500.000 đồng/năm).
- Ngành Công nghệ sinh học và ngành Hóa học áp dụng mức thu học phí là 1.350.000 đồng/tháng (13.500.000 đồng/năm).

10.2. Đối với hệ chất lượng cao

Học phí hệ chất lượng cao năm học 2022-2023 là 4.500.000 đồng/tháng (45.000.000 đồng/năm). Mức học phí của năm học có thể điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với chi phí đào tạo thực tế nhưng đảm bảo mức tăng mỗi năm không vượt quá 10% so với mức học phí năm liền trước trong 3 năm đầu và 5% cho 2 năm sau.

11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Xét tuyển đợt 1: Theo Kế hoạch xét tuyển đợt 1 của Bộ GDĐT.
- Xét tuyển bổ sung: Theo lịch trình chung của Bộ GDĐT và thông báo của Trường sau, nếu có.

12. Tuyển sinh chương trình chất lượng cao ngành Dược học

Từ năm 2022, Trường Đại học Dược Hà Nội bắt đầu tuyển sinh Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Dược học, với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Sức khỏe, hướng tới hội nhập quốc tế. Chương trình chất lượng cao cung cấp môi trường học tập toàn diện với đội ngũ giảng viên hàng đầu của ngành, chú trọng trải nghiệm, thực tập, thực hành nghề nghiệp, tăng cường năng lực ngoại ngữ, cơ hội ưu tiên trao đổi sinh viên với nước ngoài,....

Chỉ tiêu dự kiến: 60 chỉ tiêu.

Đối tượng xét tuyển: thí sinh trúng tuyển, xác nhận nhập học vào Trường ngành Dược học và có nguyện vọng tham gia CT CLC. Thí sinh sẽ phải tham gia kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào. Trường hợp thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế có điểm quy đổi tương đương đạt hoặc cao hơn điểm kiểm tra năng lực tiếng Anh tối thiểu được xét miễn kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào.

Các thông tin cụ thể về điều kiện dự tuyển, cách thức tổ chức được đăng tải trên website của Nhà trường.

13. Tài chính

- 13.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 140,84 tỷ đồng.
- 13.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm 2021: 28,99 triệu đồng.

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2022

Cán bộ kê khai



Vũ Xuân Giang

Điện thoại: 0913 514 247

Email: giangvx@hup.edu.vn



CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		47
1.1	Lĩnh vực Sức khỏe	972	47
1.1.1	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	9720202	15
1.1.2	Hóa dược	9720203	8
1.1.3	Dược lý và dược lâm sàng	9720205	7
1.1.4	Dược liệu - Dược học cổ truyền	9720206	7
1.1.5	Hóa sinh dược	9720208	2
1.1.6	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	9720210	5
1.1.7	Tổ chức quản lý dược	9720212	3
2	Thạc sĩ		145
2.1	Lĩnh vực Sức khỏe	872	145
2.1.1	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	8720202	9
2.1.2	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	84
2.1.3	Dược liệu - Dược học cổ truyền	8720206	11
2.1.4	Hóa sinh dược	8720208	2
2.1.5	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	8720210	12
2.1.6	Tổ chức quản lý dược	8720212	27
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		0
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		3645
3.1.2.1	Lĩnh vực Khoa học sự sống	742	0
3.1.2.1.1	Công nghệ sinh học	7420201	0
3.1.2.2	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	744	0
3.1.2.2.1	Hoá học	7440112	0
3.1.2.3	Lĩnh vực Sức khỏe	772	3645
3.1.2.3.1	Dược học	7720201	3525
3.1.2.3.2	Hóa dược	7720203	120

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 14 431 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 604

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 3,49 m²/sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	108	7843
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	8	2312
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	3	402
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	9	1167
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	3	120
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	209
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	83	3633
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	663
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	75	4223
	Tổng	184	12729

2.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
1	Bào chế	Bơm chân không, Bơm chân không tuần hoàn nước, Bơm nhu động PA-SF, Bộ đóng viên nắp nhôm, Bộ đo độ dẻo mỹ phẩm TA-LC, Bộ đĩa tạo hạt, Bộ cán phim thủ công, Bộ chạy sắc ký lớp mỏng và phụ kiện, Bộ chia chất lỏng vào bình đông khô, Bộ giỏ quay, Bộ lọc chuyên dụng, Bộ lọc nén, Bộ nổi trộn thuốc mỡ, Bộ sàng dây phân tích kích thước hạt, Bộ tạo viên hạt cải Pelletier, Bộ truyền động bánh răng trung gian, Bể điều nhiệt, Bể rửa siêu âm, Buồng pha chế vô khuẩn Class 2, Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Cân xác định độ ẩm, Cell đo kiểu đứng 7ml, HT đa chức năng dùng cho phòng thí nghiệm, HT đo độ hoà tan viên thuốc tự động, HT bơm chân không dầu van quay hai cấp, HT lọc 142 mm, HT máy khuấy đồng nhất tốc độ cao, HT sắc ký lỏng, Máy đông khô, Máy đông hóa bằng siêu âm, Máy đóng nang thủ công, Máy đóng thuốc phun mù và phụ kiện, Máy đóng túi thuốc bột, Máy đùn, Máy đo áp suất thẩm thấu, Máy đo độ bền Gel CT3, Máy đo độ cứng viên nén, Máy đo độ hoà

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		<p>tan, Máy đo độ mài mòn viên, Máy đo độ trơn chảy, Máy đo dung tích biểu kiến, Máy đo hấp thụ chất rắn, Máy đo micro pH, Máy đo PH, Máy đo và đếm kích thước tiểu phân, Máy bào chế, Máy bao bột khô, Máy cất nước 2 lần, Máy cất quay chân không, Máy chuẩn độ Karl Fischer, Máy dập viên, Máy khử ẩm, Máy khuấy cơ, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc siêu âm, Máy lắc xoáy, Máy lọc nước siêu sạch, Máy ly tâm, Máy nén khí, Máy nghiền siêu mịn, Máy nhào trộn, Máy phân tích cỡ hạt, Máy phun sấy, Máy quang phổ tử ngoại khả biến UV-VIS, Máy quang phổ UV-VIS, Máy soi thuốc tiêm, Máy tạo nang mềm ép khuôn, Máy thử độ giải phóng thuốc đạn, Máy xác định độ rã thuốc viên, Máy xay, Nồi cách thủy, Nồi hấp SA, Phụ kiện cho máy sấy phun, Pipet tự động 1000-5000ml, Thiết bị đánh giá giải phóng dược chất thuốc đạn, Thiết bị đồng nhất hóa, Thiết bị đo độ nhớt, Thiết bị đo độ thấm của dược chất qua da, Thiết bị lọc tuyến tính, Thiết bị phun bao phim, Thiết bị tăng sôi mini, Tủ lạnh bảo quản mẫu, Tủ pha chế vô khuẩn, Tủ sấy chân không, Tủ sấy, Tủ vi khí hậu, Thiết bị nghiên cứu da, Máy đóng ống thuốc tiêm</p>
2	CND	<p>Bơm chân không, Bơm chân không tuần hoàn nước HERLAB, Bơm nhu động, Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng, Bộ chiết dược liệu nóng bình, Bộ phân tích bằng sắc ký lớp mỏng Leybold, Bộ phản ứng có áo nhiệt, Bộ thùng pha chế, Bể điều nhiệt, Bể rửa siêu âm, Bếp bảo ôn đun bình cầu, Buồng cấy vi sinh class II, Cân kỹ thuật, Cân phân tích điện tử, Cân xác định hàm ẩm MB25 Ohaus, Hệ thống điện phân, Hệ thống bình phản ứng chịu áp lực, Hệ thống bình thủy tinh, Hệ thống cất quay chân không 20l, Hệ thống chiết siêu tới hạn và tạo hạt Separex, Hệ thống chụp ảnh và phân tích dữ liệu, Hệ thống hút mẫu tự động, HT tích hợp máy trộn, xát hạt, sửa hạt CS nhỏ, Khúc xạ kế AR-4, Lò nung Stuart Sei, Ly tâm ống để bàn Rotofix 32 Hettich, Mách tách chiết dược liệu, Máy đông khô phòng thí nghiệm, Máy đóng nang thủ công, Máy đùn cốm và tạo hạt cầu, Máy đo độ đục dung dịch, Máy đo độ chảy Metler Toledo FP 62, Máy đo độ cứng viên nén PTB 511E, Máy đo độ hoà tan thuốc viên, Máy đo độ rã viên nén ZT41 Erweka, Máy đo điểm nóng chảy, Máy đo PH để bàn, Máy đo vòng vô khuẩn IUL, Máy cất nước 1 lần Favorit, WCS/8L, Máy cất quay chân không, Máy chiết siêu âm Sonics, VC 505, Máy dập viên, Máy gia nhiệt cho phản ứng, Máy</p>

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		<p>khuấy cơ , Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc, Máy lạnh đông sâu đa dụng, Máy lọc ly tâm SS300, Máy ly tâm, Máy nghiền dạng cắt DQF-200, Máy phun sấy BI91 Buchi, Máy quang phổ UV-VIS, Máy sấy khô khí nén, Máy sấy tầng sôi Diosna Minilab, Máy tách chiết tinh chế Dược liệu SS 450, Máy tạo hoàn cứng tự động loại nhỏ DZ 20, Máy tạo khí Hydrogen, Máy thái dược liệu ZQ 300, Máy trộn cối khô mini CH 50, Máy vẩy ly tâm SS300, Máy xay , Nồi đun cách thủy , Nồi hấp tiệt trùng, Nồi phản ứng Ankyl hóa 6 lít, Nồi phản ứng thủy phân, Nhớt kế Cole Pammer , Sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao, Thiết bị Hydrro hoá, Thiết bị làm ngưng nhanh trong, Tủ ẩm , Tủ nuôi cấy vi sinh , Tủ sấy để bàn, Tủ vô trùng (dự án 05), Tủ vi khí hậu mức 2, Máy ly tâm thường , Bơm chân không dầu chịu hóa chất , Máy trộn chữ V , Máy thử độ hòa tan , Tủ sấy chân không, Thiết bị thử độ kín của vi, ống tiêm, Máy đo độ trơn chảy của bột, hạt , Máy đọc đĩa đa năng đo độ hấp thụ, huỳnh quang</p>
3	DHCT	<p>Đèn soi UV sắc ký Vilber Loumat (VL-6.LC), Bơm chân không tuần hoàn nước, Bơm hút chân không màng IKA (MVP 10B S000), Bộ định lượng tinh dầu trong dược liệu Lenz, Bộ cất dung môi Lenz, Bộ cất quay chân không , Bộ chiết xuất hồi lưu Lenz - Code 5360070, Bể điều nhiệt 14 lít, Memmert WNB14, Bể rung siêu âm Elma (S100 H), Bếp đun bình cầu , Buồng triển khai sắc ký tự động CAMAG-ADC 2, Cân kỹ thuật , Cân phân tích , Cân xác định hàm ẩm MB25 Ohaus, Chiết suất siêu âm WUC-D22H, Hệ thống chụp ảnh và phân tích dữ liệu CAMAG TLC Visualizer, Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Shimadzu, LC-10ADxr, Kính hiển vi 2 mắt Labomed, CxL, Máy dán túi nilon, Máy hút ẩm công nghiệp Tiross (TS887), Máy ly tâm, Máy soi từ ngoại Viber Loumat, CN6, Máy xay dược liệu SGF-130A, Quang phổ UV- VIS U1800 Hitachi, Tủ hút (hood) Unilab BI200, Tủ lạnh bảo quản mẫu Alaska IF21, Tủ sấy chân không WOV-70, Tủ sấy, Tủ hood</p>
4	Dược liệu	<p>Đèn soi UV sắc ký Vilber Loumat (VL-6.LC), Bơm chân không tuần hoàn nước Herlab SHB -III, Bộ định lượng tinh dầu Lenz, Bộ buồng soi sắc ký bản mỏng Camag, UVCabinet 4, Bộ cất quay chân không, Bộ sắc ký lớp mỏng định lượng Camag, Bể siêu âm , Bếp bảo ôn đun bình cầu, Bếp cách thủy 1041 GFL, Buồng triển khai sắc ký tự động CAMAG-ADC 2, Cân phân tích, Cân kỹ thuật , Cân xác định hàm ẩm, Hệ thống máy chụp ảnh và phân tích dữ liệu, Hệ</p>

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		<p>thống máy sắc ký khí khối phổ GCMS, 7890A (490-502ADBNS), Kính hiển vi, Kính hiển vi soi nổi StereoBlue (SB.1902), Kính hiển vi truyền hình Camera DMLS Leica, Lò nung thí nghiệm L3 Nabothermal, Máy chiết siêu âm Sonics, VC-505, Máy ly tâm PLC, Máy quang phổ UV-VIS, Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao, Tủ bảo quản mẫu MPR-406, Tủ sấy, Kính hiển vi 2 mắt , Phân cực kế , Khúc xạ kế abbe</p>
5	Dược lực	<p>Điện di trên gel mini- Protean 3, Bơm tiêm điện tự động Terumo TE-SS700(520-526NSADBTW), Bơm tiêm thẩm tích CMA 402 (520-526 ADBNS), Bàn chống rung cho cân phân tích điện tử 0,00001, Bộ đo giảm đau trên bàn chân chuột, Bộ chuyển đổi cơ thất phế quản 7020 Panlab letica, Bộ khuếch đại tín hiệu kiểu lực cơ cơ (520-526NSADBTW), Bể điều nhiệt , Bể rửa siêu âm khoảng 6 lít Daihan WUC-A06H, Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8, Buồng nuôi cơ quan cô lập Ugo Basile 4000, Cân kỹ thuật , Cân phân tích , Hôt nuôi cấy vô trùng và phụ kiện BIO AIR, Hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen và phụ kiện UVP, Hệ thống Elisa, Hệ thống máy Real-time PCR, Hệ thống PCR Eppendorf, Kính hiển vi 2 mắt YS 100 Nikon, Kính hiển vi soi nổi StereoBlue (SB.1902), Kính hiển vi soi ngược CKX 41-Olympus, Máy (lồng) ghi chuyển hóa (520-526NSADBTW), Máy (lồng) ghi phân xạ có điều kiện (520-526NSADBTW), Máy điện di , Máy đo độ phù chân chuột LE 7500 Panlab, Máy đo HA gián tiếp LE5002 Ugobasil, Máy đo hoạt tính vận động (520-526NSADBTW), Máy đo lưu lượng tuần hoàn máu não động vật TransonicT402-PB, Máy đo PH để bàn, Máy đo phân xạ bằng bàn nhiệt, Máy đo sinh hóa máu Teco, TC3300 Plus, Máy cố định động vật & theo dõi TD dược lý (520-526 ADBNS), Máy cất nước 2 lần Hamilton, Máy ghi 1 kênh Ugo Basile, Máy hút chân không (520-526NSADBTW), Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy kích thích điện , Máy lắc ngang Multi Bio 3D, Máy ly tâm , Máy ủ có lắc TSC Biometra GmbH (520-526NSADBTW), Máy ủ ấm dùng cho HA chuột LP 5610, Máy nghiền đồng thể bằng lưới cắt DLAB D160, Máy phá mẫu bằng siêu âm UP50H, Máy phân tích đông máu Urit -610, Máy phân tích huyết học của động vật 20 thông số Urit-3000, Micropipet 8 kênh , Nồi hấp tiệt trùng và phụ kiện ALP, Quang phổ UV-1240 Shimadzu, Thiết bị ghi điện 1 kênh, Tủ ẩm điều nhiệt và phụ kiện (b.gồm máy nghiền đồng thể), Tủ ẩm nuôi tế</p>

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		bào có gắn bình CO2 MCO-15AC, SANYO, Tủ hood LFS_Hood 1200, Tủ lạnh sâu, Tủ sấy Memmert UM 500 Đức, Trụ quay Rota-Rod 7650 Ugo basile, Máy gây mê hô hấp cho động vật
6	Hóa dược	Đèn chiếu UV, Bơm hút chân không, Bơm hút và đẩy DOA 604P, Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng, Bộ điều khiển CK cho máy cất quay CK V800 Buchi, Bể điều nhiệt 14 lít, Memmert WNB14, Bể rửa siêu âm RK 106 Bandelin, Cân kỹ thuật điện tử, Cân phân tích điện tử, Cân xác định hàm ẩm Satorius AM-30, Hệ thống bình phản ứng thủy tinh Lenz, Máy đo năng suất quay cực cơ Euromex - 99.400, Máy cất quay chân không, Máy hút ẩm công nghiệp Tiross (TS887), Máy khuấy cơ, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy làm bay hơi mẫu bằng khí N2 Zanntek, Zipvap 8, Máy lắc xoay IKA (MS 3 D S0A0), Máy ly tâm để bàn EBA20 Hettich, Máy quang phổ UV-VIS, Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao, Máy sinh khí Hydro, Máy xác định nhiệt nóng chảy SMP 3 Stuart, Nồi cách thủy 4 lỗ GFL, Phân cực kế, Thiết bị Hydrogen hóa 3911-PAR, Thiết bị làm lạnh bình phản ứng B6/-85, Thiết bị phản ứng áp lực LAB AUTOCLAVE, Thiết bị phản ứng nhiệt độ -80C Greatwall Scientific DHJF800, Tủ hood, Tủ sấy, Đèn UV soi sắc ký, Cân kỹ thuật 10-2g, Cân phân tích 10-4g
7	Hóa sinh	Bơm chân không, Bộ bảo quản mẫu bằng N2 lỏng Haier YDS-20, Bộ giá trữ lạnh ống EPPENDORF, Bể ổn nhiệt Biobase, SY-1L4H, Bể rửa siêu âm 10 lít, Elma S 100(H), Bếp bảo ôn đun bình cầu 1 lít, Daihan WHM12014, Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Hệ thống điện di đẳng điện Bio-Rad/Mini Protean520-526NSADBTW, Hệ thống chụp và phân tích Gel InfinityVX2 (520-526NSADBTW), Hệ thống Elisa (Bio-Rad Laboratories) (520-526NSADBTW), Kính hiển vi nổi camera, máy tính (Eclipse Ci-L)520-526ADBTW, Máy đông khô ALPHA 1-2 Ldplus, Máy đẩy ép qua màng (520-526NSADBTW), Máy điện di, Máy đo PH, Máy đo sinh hóa máu TECO, TC3300Plus, Máy đếm khuẩn lạc Sibata-sci-tech CL-560, Máy cất quay chân không, Máy hút dung dịch bằng chân không Accuris V0020, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc Vortex GEMMY VM-300, Máy ly tâm, Máy nghiền đồng thể Benchmark D1000, Máy nhân gen (PCR) C1000 Touch Bio-rad (520-526NSADBTW), Máy phân tích sinh hóa máu, Máy phân tích sinh hóa nước tiểu, Máy quang phổ tử ngoại khả biến UVD2960 Labomed (520-

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		526NSADBTW, Máy quang phổ UV-VIS OPTIMA SP3000 Nano, Nồi hấp tiệt trùng ALP, KT3045 (A), Pipet máy Nichiryo -Pipet mate Neo, Tủ ẩm, Tủ lạnh âm sâu 80 độ MR-HV-80-200, Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore) 520-526NSADBTW, Tủ sấy để bàn, Máy quang phổ UV - VIS , Máy ly tâm thường , Bể điều nhiệt , Tủ lạnh âm sâu ≤ -80 °C , Máy lắc ủ nhiệt khô , Máy đồng hóa siêu âm , Tủ lạnh âm sâu -40 °C , Máy ly tâm lạnh siêu tốc
8	Hữu cơ	Đèn UV soi sắc ký Prolabo 3 bước sóng, Bơm chân không, Bơm hút và đẩy DOA 604P, Bộ đèn UV soi sắc ký CN6 Vilber Lourmat, Bộ điều khiển CK cho máy cất quay CK V800 Butchi, Bể điều nhiệt tuần hoàn lạnh, Bể siêu âm, Kính hiển vi 2 mắt , Máy đo nhiệt độ nóng chảy, Máy cất quay chân không, Máy khuấy từ gia nhiệt , Máy lắc siêu âm WUC-A22, Thiết bị phản ứng sử dụng kỹ thuật vi sóng Sineo Uwave 1000, Tủ đá Gelin Electric, Tủ đựng hóa chất có bộ phận lọc khí Erlab, Tủ hood , Tủ lạnh bảo quản mẫu Alaska IF21, Tủ sấy
9	Phân tích	Đèn Cathode rỗng + dd chuẩn 4 loại, Bơm mẫu tự động cho AAS ASC -6100 Nhật, Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng, Bộ chiết pha rắn SPE-24, Bộ hydrat hóa HVG- 1 Shimadzu, Bộ lọc mẫu phân tích Isolab (490-502ABDNS), Cân kỹ thuật điện tử , Cân phân tích , Hệ thống điện di mao quản 3D CE Agilent technologies, Hệ thống lọc khí phòng máy (520-526NSADBTW), Hệ thống phân tích khối phổ LCMSMS/ESI/APCI(520-526NSADBTW), Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử AA-6800, Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao , HT máy quang phổ phát xạ (m.tính, máy in) (520-526 ADBNS), Lò nung , Máy điện di mao quản, Máy đo độ rã của thuốc Labindia, DT1000+, Máy đo lưu biến (520-526NSADBTW), Máy đo PH để bàn, Máy đo quang kết nối máy tính Shimadzu UV 1800, Máy cô mẫu bằng N2 Hanon HN200, Máy cất nước hai lần Hamilton WSC/4D, Máy chuẩn độ điện thế Metrohm, 888 Titrand, Máy cực phổ 797VA, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lọc nước siêu sạch Elga Purelab Classic UV, Máy ly tâm , Máy nén khí MDR-211, Máy phân tích nhiệt TGA Metler Toledo TGA/DSC 1, Máy quang phổ, Máy thử độ hòa tan Erweka DT626, Pipet tự động 1000-5000ml, Tủ hood LFS_Hood 1200, Tủ lạnh âm -86 độ C(5001)MDF-594-PB Panasonic 520-526NSADBTW, Tủ sấy để bàn, Cân phân tích 10-4g , Bể điều nhiệt , Cân phân tích bán vi

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		lượng , Máy quang phổ UV - VIS 2 chùm tia có bộ ổn nhiệt kiểu Peltier
10	Thực vật	Bơm chân không tuần hoàn nước, Bơm hút chân không dầu, Bộ kiểm soát độ ẩm CAMAG, Bộ kính hiển vi soi nổi, camera truyền hình LCD, Olympus SZ6, Bộ phun thuốc thử dẫn xuất hóa chạy điện TLC/HPTLC Sprayer, Bộ pipet 1 kênh, Bể ổn nhiệt, Bể rửa siêu âm, Bếp bảo ôn đun bình cầu , Buồng pha chế vô khuẩn LHC -4AX ESCO, Cân kỹ thuật , Cân phân tích, Cân xác định hàm ẩm A&D (MF-50), Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao Camag+ phụ kiện, Hệ thống soi và chụp ảnh gen và phụ kiện, Kính hiển vi , Kính hiển vi soi nổi , Kính hiển vi truyền hình Camera DMLS Leica, Kính lúp soi nổi , Máy điện di AND và phụ kiện, Máy đo PH để bàn, Máy cắt tiêu bản HM 325 Microm Carl Zeiss, Máy cắt quay chân không, Máy hút ẩm công nghiệp Tiross (TS887), Máy khử trùng chống mốc (520-526NSADBTW), Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy làm tiêu bản AP 280 Microm Carl Zeiss, Máy lắc ổn nhiệt, Máy ly tâm, Máy nhân gen và phụ kiện, Máy xay dược liệu CFS, Nồi hấp tiệt trùng , Tủ ẩm , Tủ lạnh, Tủ sấy, Kính hiển vi 2 mắt , Máy đo pH để bàn
11	Vi sinh	Bơm chân không tuần hoàn nước, Bàn lắc 2 tầng cho máy lắc BR 300 LF-TAITEC, Bể rửa siêu âm Branson- 3510E- MTH, Buồng nuôi cấy vi sinh , Cân kỹ thuật điện tử , Cân phân tích , Kính hiển vi , Kính hiển vi có camera Carl Zeiss/Sony, Kính hiển vi soi nổi, Máy điện di , Máy đo pH, Thermo Scientific Eutech, pH700, Máy ảnh Canon EOS M, Máy cắt quay chân không, Máy lắc điều nhiệt nhiều chỗ BR 3000 LF-TAITEC, Máy lắc để bàn 3017-GFL-Đức, Máy ly tâm , Máy quang phổ UV-VIS, Nồi hấp tiệt trùng , Tủ ẩm, Tủ lạnh MDF 236 Sanyo, Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore)520-526NSADBTW, Tủ sấy, Kính hiển vi 2 mắt , Bể điều nhiệt , Bộ chuyển màng bán lai bán rắn , Tủ an toàn sinh học cấp 2 , Thiết bị chụp ảnh gel , Máy ly tâm tốc độ cao
12	VLHL	Bơm chân không tuần hoàn nước, Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng, Bộ dụng cụ dùng để xác định tỷ trọng Precisa, Bộ thí nghiệm mạch cầu, Bộ vi chiết pha rắn Witeg SPE-12, Bể điều nhiệt , Bể siêu âm WUC-A10H, Cân kỹ thuật điện tử, Cân phân tích điện tử, Cân phù nhiệt MORH, Cân xác định hàm ẩm , Cầu Wheatstone, Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao, Khúc xạ kế , Kính hiển vi , Kính hiển vi

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		nồi camera, Máy đồng hóa bằng siêu âm UP 200Ht, Máy đồng nhất hóa áp suất cao (520-526NSADBTW), Máy đo áp suất thẩm thấu, Máy đo độ dẫn điện, Máy đo độ nhớt, Máy đo hằng số điện môi (520-526NSADBTW), Máy đo nhiệt độ nóng chảy, Máy đo PH, Máy đo quang phổ UV-VIS, Máy đo quang photometer, Máy đo sức căng bề mặt KRUSS, Easydyne K20, Máy cất quay chân không và phụ kiện HEI-VAP Value HB/G1, Máy chuẩn độ điện thế, Máy khuấy cơ Velp, Máy lắc có điều nhiệt
13	Vô cơ	Bơm chân không tuần hoàn nước, Bể siêu âm để rửa dụng cụ LC60/H Elma, Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Kính hiển vi, Lò nung, Máy đo PH, Máy bơm hút chân không, Máy bơm hút chân không vòng dầu, Máy cất quay chân không, Máy khuấy từ có gia nhiệt, Máy ly tâm, Máy quang phổ UV-VIS, Tủ sấy chân không, Tủ sấy
14	YHCS	Kính hiển vi, Mô hình người, Tủ sấy để bàn WOF- 105 Daihan, Cân phân tích Saturius, Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8, Máy ly tâm thường Hettich, EBA20, Máy Kimograph PANLAB, Chuồng Mê lộ, Máy phân tích huyết học TECO, Máy Kimograph Panlab, Máy đo sinh hóa máu TECO, TC3300Plus, Máy phân tích xét nghiệm nước tiểu TECO, TC101, Bồng cấy cho PCR

2.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Tổng tài liệu trong Thư viện (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử): 33.393 tài liệu

Trong đó Tài liệu học tập/tài liệu tham khảo cho chương trình chi tiết môn học/học phần theo Lĩnh vực đào tạo/ Nhóm ngành như sau:

STT	Lĩnh vực đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1	Lĩnh vực Khoa học sự sống/ Nhóm ngành Sinh học ứng dụng	372
2	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên/ Nhóm ngành Khoa học vật chất	351
3	Lĩnh vực Sức khỏe/ Nhóm ngành Dược học	1026

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
1	Bùi Đình Sơn		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
2	Bùi Hồng Cường	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
3	Bùi Thị Thanh Hà		Thạc sĩ	Hoá học	Hoá học
4	Bùi Thị Thúy Luyện		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
5	Cao Thị Bích Thảo		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
6	Chữ Thị Thanh Huyền		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
7	Đàm Thanh Xuân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hoá học	Hoá học
8	Đặng Thị Ngọc Lan		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
9	Đào Minh Huy		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
10	Đào Nguyệt Sương Huyền		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
11	Đào Thị Kim Oanh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
12	Đào Thị Mai Anh		Tiến sĩ	Khoa học đời sống và sức khỏe	Công nghệ sinh học
13	Đào Thị Thanh Hiền		Tiến sĩ	Dược học	Công nghệ sinh học
14	Đào Thị Vui	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
15	Đào Văn Nam		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
16	Đinh Thị Thanh Hải	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
17	Đỗ Hồng Quảng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hoá sinh	Công nghệ sinh học
18	Đỗ Mạnh Dũng		Đại học	Giáo dục thể chất	Dược học
19	Đỗ Ngọc Quang		Tiến sĩ	Sinh học	Công nghệ sinh học
20	Đỗ Quyên	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hóa học và Hóa lý các hợp chất có hoạt tính sinh học	Dược học
21	Đỗ Thành Long		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Dược học
22	Đỗ Thị Mai Dung		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
23	Đỗ Thị Nguyệt Quế		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
24	Đỗ Thị Thanh Thùy		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
25	Đỗ Xuân Thắng		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
26	Đồng Thị Xuân Phương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
27	Dương Khánh Linh		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
28	Dương Thị Hồng Ánh		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
29	Dương Việt Tuấn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Dược học
30	Hà Vân Oanh		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
31	Hoàng Nguyên Phong		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Dược học
32	Hoàng Quỳnh Hoa		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
33	Hoàng Thị Tuyết Nhung		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
34	Hoàng Thu Trang		Thạc sĩ	Hoá học	Hoá học
35	Kiều Thị Hồng		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
36	Kiều Thị Tuyết Mai		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
37	Lã Thị Quỳnh Liên		Tiến sĩ	Y học	Dược học
38	Lê Bá Hải		Tiến sĩ	Y sinh học sức khỏe	Dược học
39	Lê Đình Chi	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hoá học	Hoá học

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
40	Lê Đình Quang		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
41	Lê Ngọc Khánh		Thạc sĩ	Sinh học phân tử	Công nghệ sinh học
42	Lê Thanh Bình		Tiến sĩ	Khoa học y sinh và dược học	Dược học
43	Lê Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Triết học	Dược học
44	Lê Thị Thảo		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Dược học
45	Lê Thị Thu Hòa		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
46	Lê Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Y học	Dược học
47	Lê Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
48	Lê Thu Thủy		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
49	Lê Tô Hương		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Dược học
50	Lương Thị Thanh Huyền		Tiến sĩ	Hoá Dược	Dược học
51	Lý Công Thành		Thạc sĩ	Vật lý học	Dược học
52	Mai Văn Hiên		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
53	Mai Xuân Bách		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
54	Nghiêm Đức Trọng		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
55	Ngô Minh Thúy		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
56	Ngô Xuân Hoàng		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
57	Nguyễn Anh Vũ		Thạc sĩ	Vật lý học	Dược học
58	Nguyễn Cảnh Hưng		Thạc sĩ	Công nghệ dược phẩm- Sinh dược học	Dược học
59	Nguyễn Công Trường		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
60	Nguyễn Đăng Hoà	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
61	Nguyễn Đình Luyện	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
62	Nguyễn Đức Thiện		Tiến sĩ	Vật lý kỹ thuật	Dược học
63	Nguyễn Hải Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
64	Nguyễn Hoàng Anh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
65	Nguyễn Hoàng Long		Thạc sĩ	Y học	Dược học
66	Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
67	Nguyễn Hữu Duy		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
68	Nguyễn Khắc Tiệp		Tiến sĩ	Khoa học y sinh và dược học	Công nghệ sinh học
69	Nguyễn Lâm Hồng		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
70	Nguyễn Liên Hương		Thạc sĩ	Y học	Dược học
71	Nguyễn Mai Hương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
72	Nguyễn Mạnh Tuyển	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
73	Nguyễn Ngân Hà		Thạc sĩ	Triết học	Dược học
74	Nguyễn Ngọc Chiến	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
75	Nguyễn Nữ Hải Yến		Thạc sĩ	Y học	Dược học
76	Nguyễn Phương Chi		Thạc sĩ	Khoa học Y Sinh	Dược học
77	Nguyễn Phương Nhung		Thạc sĩ	Công nghệ Sinh học- Dược học	Công nghệ sinh học

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
78	Nguyễn Quỳnh Chi		Tiến sĩ	Hóa học và Hóa lý các hợp chất có hoạt tính sinh học	Dược học
79	Nguyễn Quỳnh Lê		Tiến sĩ	Sinh học phân tử	Công nghệ sinh học
80	Nguyễn Thạch Tùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
81	Nguyễn Thái An	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
82	Nguyễn Thanh Bình	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
83	Nguyễn Thành Hải	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
84	Nguyễn Thanh Tùng		Đại học	Dược học	Dược học
85	Nguyễn Thị Hồng Đức		Thạc sĩ	Vật lý học	Dược học
86	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
87	Nguyễn Thị Hương Giang		Tiến sĩ	Y học	Dược học
88	Nguyễn Thị Kiều Anh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
89	Nguyễn Thị Lập	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Công nghệ sinh học
90	Nguyễn Thị Liên Hương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
91	Nguyễn Thị Mai Anh		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
92	Nguyễn Thị Mai Hương		Thạc sĩ	Khoa học Y Sinh	Dược học
93	Nguyễn Thị Ngọc Hà		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
94	Nguyễn Thị Phương Thủy		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
95	Nguyễn Thị Song Hà	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
96	Nguyễn Thị Thanh Duyên	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
97	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
98	Nguyễn Thị Thanh Vân		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Dược học
99	Nguyễn Thị Thảo		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
100	Nguyễn Thị Thu Thủy		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
101	Nguyễn Thị Thuận	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
102	Nguyễn Thị Thùy Linh		Thạc sĩ	Hoá học	Hoá học
103	Nguyễn Thu Hằng		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
104	Nguyễn Thu Hằng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
105	Nguyễn Thùy Dương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
106	Nguyễn Trần Linh		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
107	Nguyễn Tử Sơn		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
108	Nguyễn Tường Vy	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
109	Nguyễn Vân Anh		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Dược học
110	Nguyễn Văn Giang		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
111	Nguyễn Văn Hải		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
112	Nguyễn Văn Lâm		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
113	Nguyễn Văn Phương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
114	Nguyễn Văn Rur	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Công nghệ sinh học
115	Nguyễn Viết Thân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
116	Nguyễn Vĩnh Nam		Thạc sĩ	Dược học	Dược học

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
117	Nguyễn Xuân Bắc		Tiến sĩ	Dược học	Công nghệ sinh học
118	Phạm Bảo Tùng		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
119	Phạm Đình Thắng		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Dược học
120	Phạm Đức Vịnh		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
121	Phạm Hà Thanh Tùng		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
122	Phạm Lê Minh		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
123	Phạm Nữ Hạnh Vân		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
124	Phạm Thái Hà Văn		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
125	Phạm Thế Hải		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
126	Phạm Thị Hồng Cẩm		Thạc sĩ	Toán giải tích	Dược học
127	Phạm Thị Linh Giang		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
128	Phạm Thị Minh Huệ	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
129	Phạm Thị Thanh Hà	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
130	Phạm Thị Thuý Vân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
131	Phạm Tuấn Anh		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
132	Phan Thị Phương Dung	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
133	Phan Thị Tố Như		Thạc sĩ	Y học	Dược học
134	Phan Thu Hằng		Thạc sĩ	Y học	Dược học
135	Phùng Thanh Hương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Công nghệ sinh học
136	Quách Thị Sen		Tiến sĩ	Toán học	Dược học
137	Tạ Thu Lan		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
138	Thái Nguyễn Hùng Thu	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
139	Thân Thị Kiều My		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
140	Tống Thị Thanh Vượng		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
141	Trần Đình Nghĩa		Thạc sĩ	Hoá học	Hoá học
142	Trần Hồng Linh		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
143	Trần Ngọc Bảo		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
144	Trần Nguyên Hà		Tiến sĩ	Khoa học môi trường	Hoá học
145	Trần Phương Thảo	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
146	Trần Quang Long		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Dược học
147	Trần Quang Tuyến		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Dược học
148	Trần Thị Giang Thanh		Thạc sĩ	Kinh tế	Dược học
149	Trần Thị Hải Yến		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
150	Trần Thị Huyền		Thạc sĩ	Vật lý học	Dược học
151	Trần Thị Lan Anh		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
152	Trần Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
153	Trần Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Y học	Dược học
154	Trần Trịnh Công		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
155	Trần Trọng Biên		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
156	Trần Văn Ôn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
157	Trịnh Thị Thanh Xuân		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Dược học
158	Trịnh Trung Hiếu		Thạc sĩ	Dược học	Dược học

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
159	Văn Thị Mỹ Huệ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
160	Võ Quốc Ánh		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
161	Võ Thị Thu Thủy		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
162	Vũ Đăng Hoàng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
163	Vũ Đình Hòa		Tiến sĩ	Dược lý lâm sàng	Dược học
164	Vũ Ngân Bình		Thạc sĩ	Nghiên cứu môi trường	Hoá học
165	Vũ Ngọc Mai		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
166	Vũ Thị Hồng Hạnh		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
167	Vũ Thị Nhung		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Dược học
168	Vũ Thị Thảo		Thạc sĩ	Triết học	Dược học
169	Vũ Thị Thu Giang	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
170	Vũ Thùy Dương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Dược học
171	Vũ Tiến Thành		Thạc sĩ	Thể dục Thể thao	Dược học
172	Vũ Trần Anh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
173	Vũ Tùng Lâm		Thạc sĩ	Hoá học	Hoá học
174	Vũ Xuân Giang		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
	Tổng số giảng viên toàn trường	174			

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
1	Bùi Đức Trung	Bệnh viện Hữu Nghị		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
2	Bùi Thanh Nguyệt	Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh		Chuyên khoa cấp II	Dược học	Dược học
3	Bùi Thị Kim Dung	Bệnh viện Thanh Nhàn		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
4	Bùi Thị Ngọc Thục	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
5	Bùi Thuận	Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		Chuyên khoa cấp II	Dược học	Dược học
6	Cần Tuyết Nga	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
7	Cao Minh Đức	Công ty Tendam AI, Mỹ		Tiến sĩ	Tin sinh học	Dược học
8	Cao Thị Thu Huyền	Trường ĐH Dược Hà Nội		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
9	Chul Soon Yong	CB nghi hưu của College of Pharmacy Yeungnam University Gyeongbuk, Korea	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
10	Đàm Mai Hương	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
11	Đặng Thị Hoa	Bệnh viện phụ sản Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp II	Dược học	Dược học
12	Đặng Thị Lan Anh	Bệnh viện Thanh Nhàn		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
13	Đặng Thu Anh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
14	Đào Danh Sơn	Công ty cổ phần tập toàn Merap		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
15	Đào Huyền Quyên	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Hóa sinh y học	Dược học
16	Đào Minh Đông	TT Kiểm nghiệm thuốc, MP, TPCN Yên Bái		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
17	Đình Đình Chính	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
18	Đình Thu Hương	Bệnh viện Phổi Trung ương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
19	Đỗ Minh Sĩ	CTCP Công nghệ sinh học Nanogen		Tiến sĩ	Sinh học tế bào	Dược học
20	Đỗ Thị Bích Thủy	Bệnh viện Tim Hà Nội		Chuyên khoa cấp II	Dược học	Dược học
21	Đỗ Thị Hà	Viện Dược liệu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
22	Đỗ Thị Minh Nguyệt	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
23	Đỗ Thị Tuyên	Viện Công nghệ sinh học		Tiến sĩ	Sinh học	Dược học
24	Đoàn Thị Kim Ưng	TT Kiểm nghiệm Bắc Giang		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
25	Đoàn Văn Giang	Trung tâm Y tế huyện An Phú, tỉnh An Giang		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
26	Dương Kiều Oanh	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
27	Dương Thanh Hải	Bệnh viện ĐK Quốc tế Vinmec		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
28	Dương Thị Thanh Tâm	Bệnh viện Nhi TƯ		Thạc sĩ	Dược học	Hóa dược
29	Dương Tuấn Linh	Viện Y học dự phòng quân đội		Tiến sĩ	Vi sinh vật	Dược học
30	Hà Bá Tiến	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
31	Hà Văn Thúy	Bộ Y tế	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
32	Hồ Mỹ Dung			Thạc sĩ	Y học	Dược học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
33	Hoàng Anh Tuấn	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
34	Hoàng Khánh Toàn	BV Trung Ương QĐ 108		Thạc sĩ	Y học cổ truyền	Dược học
35	Hoàng Thị Kim Huyền	CB nghỉ hưu ĐH Dược HN	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
36	Hoàng Thị Minh Hiền	Bệnh viện Hữu Nghị		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
37	Hoàng Văn Lâm	Tập đoàn Đại Bắc		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
38	Hứa Ngọc Huy	BV ĐK Lục Yên, Yên Bái		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
39	Huỳnh Minh Triết	Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh		Chuyên khoa cấp II	Dược học	Dược học
40	Khuất Hữu Trung	Viện Di truyền Nông nghiệp	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Sinh học	Dược học
41	Lại Việt Hà	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
42	Lê Anh Hiếu	Sở Y tế Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp II	Dược học	Dược học
43	Lê Đình Bích	CB nghỉ hưu ĐH Dược HN		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
44	Lê Hữu Trường	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
45	Lê Minh Hà	Viện Hóa học các h/chất TN - Viện KHCN VN	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hóa học	Dược học
46	Lê Thị Luyến	Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Y Dược	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học	Dược học
47	Lê Thị Minh Chính	Cty TNHH ANDA Việt Nam		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
48	Lê Thị Phương Thảo	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
49	Lê Thị Thanh Giang	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
50	Lê Thị Thanh Nga	Bệnh viện Thanh Nhàn		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
51	Lê Thị Thùy Dương	Viện Công nghệ sinh học		Tiến sĩ	Sinh học	Dược học
52	Lê Thị Xoan	Viện Dược liệu		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
53	Lê Thiên Kim			Thạc sĩ	Dược học	Dược học
54	Lê Trí Bách	Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
55	Lê Vân Anh	Bệnh viện Hữu Nghị		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
56	Lưu Thị Phương	BV Nhi, Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
57	Lý Thị Bích Thủy	Viện Công nghệ sinh học		Tiến sĩ	Hóa sinh	Dược học
58	Mai Khắc Hùng	BVĐK Văn Yên, Yên Bái		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
59	Mỹ Đức Anh	BVĐK Nga Sơn, Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
60	Ngô Quang Trung	Trường ĐH Dược Hà Nội		Thạc sĩ	Hóa phân tích	Hoá học
61	Ngô Thị Xuân Thu	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
62	Nguyễn Bích Ngọc	Bệnh viện Quân dân Y Miền Đông		Chuyên khoa cấp II	Dược học	Dược học
63	Nguyễn Đức Thu	Bệnh viện Y dược học cổ truyền Đồng Nai		Chuyên khoa cấp II	Dược học	Dược học
64	Nguyễn Đức Thuận	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tỉnh Gia Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
65	Nguyễn Đức Trung	BV Trung Ương QĐ 108		Tiến sĩ	Dược học	Hóa dược
66	Nguyễn Duy Tám	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
67	Nguyễn Duy Tân	Viện Huyết học - Truyền máu trung ương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
68	Nguyễn Gia Bình	Bệnh viện ĐK Quốc tế Vinmec	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hóa sinh	Dược học
69	Nguyễn Hải Trường	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
70	Nguyễn Hữu Tùng	Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Y Dược	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hóa Dược	Dược học
71	Nguyễn Huy Tuấn	BV Phụ sản TƯ		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
72	Nguyễn Lê Trang	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
73	Nguyễn Mai Hoa	Trường ĐH Dược Hà Nội		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
74	Nguyễn Minh Khôi	Viện Dược liệu	Phó giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Hóa dược - Dược liệu	Dược học
75	Nguyễn Minh Nam	Bệnh viện Tim Hà Nội		Thạc sĩ	Dược học	Hóa dược
76	Nguyễn Ngọc Hiếu	Trường Đại học Phenikaa		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
77	Nguyễn Phương Thúy	Trường ĐH Dược Hà Nội		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
78	Nguyễn Quốc Huy	Học viện Y học cổ truyền	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
79	Nguyễn Quỳnh Hoa	Bệnh viện K	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
80	Nguyễn Sơn Nam	BV Trung Ương QĐ 108		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
81	Nguyễn Thanh Hiền	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
82	Nguyễn Thế Hùng	Bộ Khoa học và Công nghệ		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
83	Nguyễn Thị Bích Thu	CB hưu Viện Dược liệu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
84	Nguyễn Thị Đông	Bộ Y Tế		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
85	Nguyễn Thị Dừa	BV Xanh Pôn		Chuyên khoa cấp II	Dược học	Dược học
86	Nguyễn Thị Hồng Hà	BV Nhi TW		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
87	Nguyễn Thị Hương	Trường CD Dược TW Hải Dương		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
88	Nguyễn Thị Huyền Thư	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn		Thạc sĩ	Dược học	Hóa dược
89	Nguyễn Thị Kim Chi	Trường CD Y tế HN		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
90	Nguyễn Thị Mai Anh	Bệnh viện Thanh Nhân		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
91	Nguyễn Thị Quỳnh	Sở Y tế Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
92	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Quỳnh		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
93	Nguyễn Thị Sinh	CB nghỉ hưu ĐH Dược HN		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
94	Nguyễn Thị Thanh Dung	Bệnh viện Phổi Trung ương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
95	Nguyễn Thị Thanh Minh	Bệnh viện K		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
96	Nguyễn Thị Thu	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
97	Nguyễn Thị Thu Hương	Bệnh viện Thanh Nhân		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
98	Nguyễn Thị Thu Hương	Bệnh viện Hữu Nghị		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
99	Nguyễn Thị Thủy	BV Phổi TW		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
100	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức		Tiến sĩ	Y học	Dược học
101	Nguyễn Thị Tuyến	Trường ĐH Dược Hà Nội		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
102	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Bệnh viện Phổi Trung ương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
103	Nguyễn Thu Hương	BV đa khoa Đức Giang		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
104	Nguyễn Thu Minh	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
105	Nguyễn Tiên Phương	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
106	Nguyễn Tiên Quang	Bệnh viện K		Tiến sĩ	Y học	Dược học
107	Nguyễn Trọng Thủy	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
108	Nguyễn Trung Hà	BV Trung Ương QĐ 108		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
109	Nguyễn Trung Nghĩa	Bệnh viện E		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
110	Nguyễn Trường Sơn	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
111	Nguyễn Tuấn Hiệp	Viện Dược liệu		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học và hệ thống sinh học	Dược học
112	Nguyễn Tuấn Long	Bệnh viện Quân dân Y Miền Đông		Chuyên khoa cấp II	Dược học	Dược học
113	Nguyễn Văn Dũng	Bệnh viện Nhi Trung ương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
114	Nguyễn Văn Hà	Viện Kiểm nghiệm Thuốc TW		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
115	Nguyễn Văn Long	CB nghỉ hưu ĐH Dược HN	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
116	Nguyễn Văn Tài	Viện Dược liệu		Tiến sĩ	Hóa học	Dược học
117	Nguyễn Văn Tuấn	Bệnh viện Bạch Mai - Viện Sức khỏe tâm thần	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học	Dược học
118	Nguyễn Việt Phúc	Sở Y tế Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
119	Nguyễn Xuân Hiệp	Bệnh viện Mắt Trung ương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học	Dược học
120	Phạm Minh Tuấn	Viện Huyết học - Truyền máu trung ương		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
121	Phạm Nguyên Sơn	BV Trung Ương QĐ 108	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học	Dược học
122	Phạm Thị Diệu Huyền	Bệnh viện Hữu Nghị		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
123	Phạm Thị Hiền	Trường Đại học Dược Hà Nội		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
124	Phạm Thị Ngọc Thanh	Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
125	Phạm Thị Nguyệt Hằng	Viện Dược liệu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
126	Phạm Thị Phương Anh	Bệnh viện Mắt Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
127	Phạm Thu Hà	Bệnh viện Nhi TƯ		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
128	Phạm Trần Thu Hà	Trường ĐH Đại Nam		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
129	Phạm Văn Huy	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
130	Phạm Văn Tú	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Quỳnh		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
131	Phạm Vĩnh Trường	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
132	Phan Quỳnh Lan	Bệnh viện ĐK Quốc tế Vinmec		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
133	Phan Việt Sinh	Bệnh viện Lão khoa		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
134	Phùng Hoà Bình	CB nghỉ hưu ĐH Dược HN	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Dược học
135	Phùng Quang Toàn	Bệnh viện K		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
136	Tạ Mạnh Cường	Bệnh viện Bạch Mai, Viện Tim mạch	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học	Dược học
137	Thân Thị Hải Hà	BV Phụ sản TƯ		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
138	Tô Minh Hùng	Viện Kiểm nghiệm, nghiên cứu dược và Trang thiết bị y tế Quân đội		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
139	Trần Bá Kiên	Trường CD Dược TW Hải Dương		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
140	Trần Công Khánh	CB nghỉ hưu ĐH Dược HN	Phó giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Dược học	Dược học
141	Trần Ngân Hà	Trung tâm DI&ADR Quốc gia, Trường Đại học Dược Hà Nội		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
142	Trần Nhân Thắng	CB hưu Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
143	Trần Quang Bình	Viện Dinh dưỡng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y khoa	Dược học
144	Trần Thế Bách	Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật	Giáo sư	Tiến sĩ	Sinh học	Dược học
145	Trần Thu Hương	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Y khoa	Dược học
146	Trần Trung Tâm	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
147	Trần Viết Tiệp	BV Việt Nam - Thụy Điển Ưông Bí		Tiến sĩ	Y học	Dược học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy - Tên ngành đại học
148	Trịnh Đức Thiện	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
149	Trịnh Lê Anh	Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hóa		Chuyên khoa cấp I	Dược học	Dược học
150	Trương Tuyết Mai	Viện Dinh dưỡng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dinh dưỡng và phát triển con người	Dược học
151	Vũ Bích Hạnh	BVĐK Xanh Pôn		Thạc sĩ	Dược học	Hóa dược
152	Vũ Đình Tiên	Bệnh viện K		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
153	Vũ Hồng Minh	Bệnh viện Mắt TW		Thạc sĩ	Dược học	Dược học
154	Vũ Thị Thu Hương	Bệnh viện E		Tiến sĩ	Dược học	Dược học
155	Vũ Thị Trâm	CB nghỉ hưu ĐH Dược HN		Tiến sĩ	Y học	Dược học
	Tổng số giảng viên toàn trường	155				